| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN LÃO**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Trương Thị An;

Bà Phùng Ngọc Anh.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Lê Minh Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2023/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2024/QĐST-DS, ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị N, nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đàm Xuân T, nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 8 năm 2023 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:*

Chị và anh Đàm Xuân T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, ngày 21 tháng 3 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận thời gian đầu, cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống căng thẳng, ngột ngạt. Chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân không quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Chị N xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đàm Xuân T. Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Đàm Thành V, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2014 và Đàm Thảo V, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2016. Tại phiên toà, Chị N có ý kiến chị nhận nuôi con Đàm Thành V còn anh T nuôi con Đàm Thảo V hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đàm Xuân T tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 10 năm 2023 có ý kiến như sau: Anh thừa nhận Chị N trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung là đúng. Về hôn nhân anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Về con chung, anh T đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Trịnh Thị N đã cơ bản tuân thủ đúng các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đàm Xuân T chưa tuân thủ đúng các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Đàm Xuân T; về con chung: Giao con Đàm Thành V, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2014 cho chị Trịnh Thị N; giao con Đàm Thảo V, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2016 cho anh Đàm Xuân T nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự

sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trịnh Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Đàm Xuân T, địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Đàm Xuân T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đàm Xuân T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị N và anh Đàm Xuân T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, ngày 21 tháng 3 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Chị N, anh T đều xác nhận cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống căng thẳng, ngột ngạt, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa và sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Qua xác minh tại địa phương đã xác định anh, chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay và mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Tình trạng mâu thuẫn giữa anh, chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đều đề nghị được ly hôn nên việc Chị N có đơn xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trịnh Thị N và anh Đàm Xuân T có 02 con chung là Đàm Thành V, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2014 và Đàm Thảo V, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2016. Tại phiên toà, Chị N có ý kiến chị nhận nuôi con Đàm Thành V còn anh T nuôi con Đàm Thảo V hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh T tại lời khai trước Toà đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét, Chị N và anh T đều có công việc, thu nhập và khả năng nuôi con ngang nhau. Từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu Đàm Thành V sống với mẹ, cháu Đàm Thảo V sống với bố và đều được anh chị chăm sóc chu đáo. Cháu Đàm Thành V có ý kiến được sống với mẹ còn cháu Đàm Thảo V có ý kiến được sống với bố. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con Đàm Thành V, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2014 cho chị Trịnh

Thị N và giao con Đàm Thảo V, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2016 cho anh Đàm Xuân T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Đàm Xuân T.

2. Về con chung: Giao con Đàm Thành V, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2014 cho chị Trịnh Thị N; giao con Đàm Thảo V, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2016 cho anh Đàm Xuân T nuôi dưỡng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau .

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trịnh Thị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005772 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Trịnh Thị N đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trịnh Thị N và anh Đàm Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

***Nơi nhận:***
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND phường Dư Hàng Kênh;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Anh**